

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ BÔNG
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 04/2022/DS-ST

Ngày: 27-8-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ BÔNG, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Minh Thuận

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Tuấn

2. Ông Lê Anh Chiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Văn Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Bông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Bông tham gia phiên tòa:
Bà Hồ Thị Non - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Trà Bông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐXXST - DS ngày 08 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Địa chỉ: Tòa nhà Thaiholdings, số 210 Trần Q K, quận H K, thành phố H N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thanh N – Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần A, chi nhánh D Q. Ông Lê Thanh N ủy quyền lại cho ông Đỗ Ngọc A – Chuyên viên xử lý nợ, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A, chi nhánh D Q. Địa chỉ: 01 An Dương Vương, phường Lê Hồng P, thành phố Q N, tỉnh Q N. (Văn bản ủy quyền ngày 24/8/2022) (có mặt)

Bị đơn: Anh Hồ Văn T, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn Trà N, xã Trà P, huyện T B, tỉnh Q N. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Chị Đỗ Mỹ L, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Trà S, huyện T B, tỉnh Q N. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Phạm Thị Hà Châu – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước của tỉnh Q N. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2022, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 06/7/2018, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (sau đây gọi là: Ngân hàng A) có cho vợ chồng anh Hồ Văn T, chị Đỗ Mỹ L vay số tiền: 200.000.000 đồng, với mục đích cho vay: tiêu dùng, mua sắm đồ dùng gia đình và phục vụ đời sống, thời hạn vay: 120 tháng, theo hợp đồng tín dụng số HDTD4022018909 ngày 06/7/2018. Để đảm bảo cho khoản vay trên, ngày 06/7/2018 anh Hồ Văn T, chị Đỗ Mỹ L có lập hợp đồng thế chấp số 58/2018/HĐTC/PGDBinhSon ngày 06/7/2018, tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 156, tờ bản đồ số 10, tại xã Trà P, huyện T T, tỉnh Q N (nay là xã T P, huyện T B) có diện tích 139,7m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 302331, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH001220 do UBND huyện Tây Trà (nay là UBND huyện Trà Bồng) cấp ngày 13/01/2017, được Phòng Công chứng Bình Sơn công chứng và đã đăng ký thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh T và chị L đã trả được số tiền nợ gốc là 13.360.181 đồng, sau đó anh T, chị L không trả gốc và lãi cho Ngân hàng A, mặc dù Ngân hàng A đã liên lạc và thông báo nhiều lần. Hiện nay, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 27/8/2022), anh T và chị L còn nợ Ngân hàng A số tiền nợ gốc là: 186.639.819 đồng, số tiền lãi tính đến ngày 27/8/2022 là 69.579.312 đồng, lãi quá hạn 23.001.089 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi: 279.220.220 đồng.

Nay Ngân hàng A yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trà Bồng giải quyết: Buộc anh Hồ Văn T, chị Đỗ Mỹ L phải trả nợ cho Ngân hàng A với số tiền nợ gốc: 186.639.819 đồng, tính đến ngày 27/8/2022 số tiền lãi là 69.579.312 đồng, lãi quá hạn 23.001.089 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi: 279.220.220 đồng. Tuy nhiên, hiện nay anh T và chị L đã ly hôn và nên Ngân hàng A yêu cầu mỗi người phải có trách nhiệm thanh toán $\frac{1}{2}$ nợ chung.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 27/8/2022, anh Hồ Văn T, chị Đỗ Mỹ L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số HDTD4022018909 ngày 06/7/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp anh Hồ Văn T, chị Đỗ Mỹ L không trả được nợ thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, theo hợp đồng thế chấp số 58/2018/HĐTC/PGDBinhSon ngày 06/7/2018, tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 156, tờ bản đồ số 10, tại xã Trà P, huyện Tây T, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã Trà P, huyện Trà B) có diện tích 139,7m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 302331, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH001220 do UBND huyện Tây Trà (nay là UBND huyện Trà Bồng) cấp ngày 13/01/2017.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì anh Hồ Văn T, chị Đỗ Mỹ L có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Đối với số tiền tính lãi phạt chậm trả lãi: Tại đơn khởi kiện Ngân hàng A có yêu cầu tính lãi phạt chậm trả lãi. Tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ Ngân hàng A đã rút yêu cầu này. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng A thống nhất rút yêu cầu về số tiền tính lãi phạt chậm trả lãi, tính đến ngày 27/8/2022 là số tiền 12.648.206 đồng. Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc anh Hồ Văn T, chị Đỗ Mỹ L mỗi người phải trả $\frac{1}{2}$ số nợ cho Ngân hàng A, tương ứng nợ gốc: 93.319.909,5 đồng, tính đến ngày 27/8/2022 số tiền lãi: 34.789.656 đồng, lãi quá hạn: 11.500.544,5. Tổng cộng cả gốc và lãi: 139.610.110 đồng.

Tại bản tự khai ngày 28/4/2022, ngày 02/6/2022, biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Hồ Văn T, chị Đỗ Mỹ L trình bày:

Anh T, chị L thống nhất với lời khai của nguyên đơn. Ngày 06/7/2018, anh T, chị L có vay số tiền: 200.000.000 đồng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện A, với mục đích cho vay: tiêu dùng, mua sắm đồ dùng gia đình và phục vụ đời sống. Để đảm bảo cho khoản vay trên, ngày 06/7/2018 anh T, chị L có lập hợp đồng thế chấp số 58/2018/HĐTC/PGDBinhSon ngày 06/7/2018, tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 156, tờ bản đồ số 10, tại xã Trà Phong, huyện Tây Trà, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã Trà Phong, huyện Trà Bồng) có diện tích 139,7m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 302331, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH001220 do UBND huyện Tây Trà (nay là UBND huyện Trà

Bồng) cấp ngày 13/01/2017, được Phòng Công chứng Bình Sơn công chứng và đã đăng ký thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh T và chị L đã trả được số tiền nợ gốc là 13.360.181 đồng. Nay Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu anh T, chị L trả nợ gốc, nợ lãi thì anh T, chị L đồng ý. Tuy nhiên, anh T, chị L đã ly hôn theo Quyết định số 04/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19/4/2019 của TAND huyện Tây Trà (nay là TAND huyện Trà Bồng) nên anh T, chị L yêu cầu mỗi người trả $\frac{1}{2}$ số nợ cho Ngân hàng A. Trường hợp anh Hồ Văn T, chị Đỗ Mỹ L không trả được nợ thì anh T, chị L đồng ý Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, theo hợp đồng thế chấp số 58/2018/HĐTC/PGDBìnhSơn ngày 06/7/2018. Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì anh Hồ Văn T, chị Đỗ Mỹ L đồng ý có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay. Vì điều kiện, anh T, chị L không thể tham gia phiên tòa nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh T, chị L.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Đến thời điểm xét xử sơ thẩm, anh T và chị L nợ Ngân hàng A với nợ gốc: 186.639.819 đồng, tính đến ngày 27/8/2022 số tiền lãi là 69.579.312 đồng, lãi quá hạn 23.001.089 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi: 279.220.220 đồng. Tuy nhiên, hiện nay anh T, chị L đã ly hôn theo Quyết định số 04/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19/4/2019 của TAND huyện Tây Trà (nay là TAND huyện Trà Bồng) và có yêu cầu mỗi người có trách nhiệm thanh toán $\frac{1}{2}$ khoản nợ chung, bên Ngân hàng cũng yêu cầu mỗi người có trách nhiệm thanh toán một nửa nợ chung. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 116, 117, 317, 318, 319, 323, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 27, Điều 37, Điều 60 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên buộc anh T, chị L mỗi người phải trả 93.319.909,5 đồng tiền gốc, tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 27/8/2022 và tuyên lãi suất chậm thi hành án và xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự: Đúng theo quy định của pháp luật; Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào: Điều 26, Điều 35; Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 244, Điều 271 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 116, 117, 317, 318, 319, 323, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95, Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 27, Điều 37, Điều 60 của Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Bưu điện A, tuyên buộc anh Hồ Văn T, chị Đỗ Mỹ L mỗi người phải

có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng A số tiền nợ gốc: 93.319.909,5 đồng, tính đến ngày 27/8/2022 số tiền lãi: 34.789.656 đồng, lãi quá hạn: 11.500.544,5. Tổng cộng cả gốc và lãi: 139.610.110 đồng và tuyên lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày 27/8/2022 theo hợp đồng tín dụng số mà các bên đã thỏa thuận. Trường hợp anh Hồ Văn T, chị Đỗ Mỹ L không trả được nợ thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, theo hợp đồng thế chấp số 58/2018/HĐTC/PGDBinhSon ngày 06/7/2018, tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 156, tờ bản đồ số 10, tại xã Trà Phong, huyện Tây Trà, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã Trà Phong, huyện Trà Bồng) có diện tích 139,7m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 302331, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH001220 do UBND huyện Tây Trà (nay là UBND huyện Trà Bồng) cấp ngày 13/01/2017. Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì anh Hồ Văn T, chị Đỗ Mỹ L có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu tính lãi phạt chậm trả lãi mà Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện A đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp về dân sự phát sinh theo thỏa thuận giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện A và anh Hồ Văn T, chị Đỗ Mỹ L về hợp đồng tín dụng giữa cá nhân và tổ chức tín dụng. Do vậy, quan hệ pháp luật được xác định là “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Đây là tranh chấp về dân sự giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện A và bị đơn là anh Hồ Văn T, chị Đỗ Mỹ L, đều có địa chỉ tại huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi. Tòa án nhân dân huyện Trà Bồng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ tất cả các Thông báo, Giấy triệu tập cho bị đơn và bị đơn anh Hồ Văn T, chị Đỗ Mỹ L đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Trà Bồng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc anh Hồ Văn T, chị Đỗ Mỹ L phải trả nợ cho Ngân hàng A với số tiền nợ gốc: 186.639.819 đồng, tính đến ngày 27/8/2022 số tiền lãi là 69.579.312 đồng, lãi quá hạn 23.001.089 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi: 279.220.220 đồng.

Xét giao dịch dân sự giữa Ngân hàng A và anh Hồ Văn T, chị Đỗ Mỹ L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, chủ thể có đủ đầy năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự; mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, giao dịch dân sự được xác lập bằng văn bản nên giao dịch dân sự này có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự, hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng A và anh Hồ Văn T, chị Đỗ Mỹ L phù hợp với Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, quá trình thực hiện hợp đồng anh T, chị L vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Hiện anh T, chị L còn nợ Ngân hàng A với nợ gốc: 186.639.819 đồng, tính đến ngày 27/8/2022 số tiền lãi là 69.579.312 đồng, lãi quá hạn 23.001.089 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi: 279.220.220 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A là có căn cứ cần được chấp nhận.

Quá trình giao kết hợp đồng anh T và chị L còn trong thời kì hôn nhân và anh T, chị L đều thừa nhận đây là nợ chung của vợ chồng trong thời kì hôn nhân. Vì vậy, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự và anh T, chị L phải cùng chịu trách nhiệm về khoản nợ chung với Ngân hàng A theo quy định tại các Điều 27, 37, 60 của Luật Hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, hiện nay anh T và chị L đã ly hôn theo Quyết định số 04/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19/4/2019 của TAND huyện Tây Trà (nay là TAND huyện Trà Bồng), tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa các đương sự đều thống nhất anh T, chị L mỗi người có trách nhiệm thanh toán $\frac{1}{2}$ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng A. Do đó, anh T và chị L mỗi người phải có trách nhiệm thanh toán $\frac{1}{2}$ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng A theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và Kể từ ngày tiếp theo của ngày 27/8/2022, anh Hồ Văn T, chị Đỗ Mỹ L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số HDTD4022018909 ngày 06/7/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Số tiền tương ứng anh T, chị L mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng A là: Nợ gốc: 93.319.909,5 đồng, nợ lãi: 34.789.656 đồng, lãi quá hạn: 11.500.544,5. Tổng cộng cả gốc và lãi; 139.610.110 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản bảo đảm:

Trường hợp anh Hồ Văn T, chị Đỗ Mỹ L không trả được nợ thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, theo hợp đồng thế chấp số 58/2018/HĐTC/PGDBinhSon ngày 06/7/2018, tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 156, tờ bản đồ số 10, tại xã Trà Phong, huyện Tây Trà, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã Trà Phong, huyện Trà Bồng) có diện tích 139,7m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 302331, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH001220 do UBND huyện Tây Trà (nay là UBND huyện Trà Bồng) cấp ngày 13/01/2017.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng số HDTD4022018909 ngày 06/7/2018, anh T và chị L đã ký kết hợp đồng thế chấp số 58/2018/HĐTC/PGDBinhSon ngày 06/7/2018 với Ngân hàng A và đã đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng thế chấp có hiệu lực và yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với quy định tại các Điều 317, 318, 319, 323 của Bộ luật Dân sự và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Qua xem xét, thẩm định tại chỗ phần đất thế chấp của anh Hồ Văn T, chị Đỗ Mỹ L xác định diện tích đất và tài sản gắn liền với đất phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 302331, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH001220 do UBND huyện Tây Trà (nay là UBND huyện Trà Bồng) cấp ngày 13/01/2017 và Hợp đồng thế chấp các bên đã ký kết.

[2.3] Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì anh Hồ Văn T, chị Đỗ Mỹ L có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

[2.4] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện với bị đơn về yêu cầu tính lãi phạt chậm trả lãi, tính đến ngày 27/8/2022 số tiền lãi chậm trả lãi là 12.648.206 đồng. Việc rút yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao nên cần được chấp nhận.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Anh Hồ Văn T và chị Đỗ Mỹ L là người đồng bào dân tộc thiểu số (dân tộc: Co) và là hộ nghèo, có đơn đề nghị được miễn tiền án phí nên được miễn theo quy định của pháp luật.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng, anh T và chị L phải chịu theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Ngân hàng A tự nguyện chịu 3.000.000 đồng, Ngân hàng A đã nộp và đã chi xong.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điều 26, Điều 35; Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 227, Điều 228; Điều 244, Điều 271 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 116, 117, 317, 318, 319, 323, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 27, Điều 37, Điều 60 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/11/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu tính lãi phạt chậm trả lãi mà Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện A đã rút.

2. Buộc anh Hồ Văn T phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện A với số tiền Nợ gốc: 93.319.909,5 đồng, tính đến ngày 27/8/2022 số tiền lãi: 34.789.656 đồng, lãi quá hạn: 11.500.544,5. Tổng cộng cả gốc và lãi: 139.610.110 đồng (một trăm ba mươi chín triệu sáu trăm mười nghìn một trăm mười đồng).

- Buộc chị Đỗ Mỹ L phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện A với số tiền Nợ gốc: 93.319.909,5 đồng, tính đến ngày 27/8/2022 số tiền lãi: 34.789.656 đồng, lãi quá hạn: 11.500.544,5. Tổng cộng cả gốc và lãi: 139.610.110 đồng (một trăm ba mươi chín triệu sáu trăm mười nghìn một trăm mười đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 27/8/2022, anh Hồ Văn T, chị Đỗ Mỹ L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số HDTD4022018909 ngày 06/7/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

3. Trường hợp anh Hồ Văn T, chị Đỗ Mỹ L không trả được nợ thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, theo hợp đồng thế chấp số 58/2018/HĐTC/PGDBinhSon ngày 06/7/2018, tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 156, tờ bản đồ số 10, tại thôn Trà Niu, xã Trà Phong, huyện Tây Trà, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã Trà Phong, huyện Trà Bồng) có diện tích 139,7m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với

đất số BB 302331, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH001220 do UBND huyện Tây Trà (nay là UBND huyện Trà Bồng) cấp ngày 13/01/2017, đứng tên anh Hồ Văn T, chị Đỗ Mỹ L.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì anh Hồ Văn T, chị Đỗ Mỹ L có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

4. Về án phí: Anh Hồ Văn T, chị Đỗ Mỹ L được miễn tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện A số tiền 6.856.129 đồng (sáu triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn một trăm hai mươi chín đồng) do đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm (do anh Trần Văn Thành nộp thay), theo biên lai số 0000504 ngày 13/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Bồng.

5. Về chi phí tố tụng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện A tự nguyện chịu 3.000.000 đồng, đã nộp và chi xong.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q.Ngãi;
- VKSND huyện Trà Bồng;
- Chi cục THADS huyện Trà Bồng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Minh Thuận

